TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/DS-PT
Ngày 19-7-2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

2. Bà Lê Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp đòi lại tài sản"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Lý Ca N**, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Vương Sơn H**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp E, xã G, huyện D, tỉnh Tây Ninh (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20-10-2016); có mặt.

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Tổ 04, ấp H, xã I, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

2.2. Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1967; cùng địa chỉ cư trú với ông C; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Chung Sú L**, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Vương Sơn H**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp E, xã G, huyện D, tỉnh Tây

Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 05-10-2016); có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Lý Ca N và người đại diện hợp pháp là ông Vương Sơn H thống nhất trình bày:

Vào ngày 14-8-2007, vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C có vay của vợ chồng ông Lý Ca N, bà Chung Sú L số tiền 70.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền do vợ chồng bà H, ông C cùng ký tên, thỏa thuận đến ngày 16-12-2007 sẽ trả, việc vay tiền có lãi nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói và theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng bà H không trả nên ngày 11-3-2009 hai bên gút nợ và tính lãi từ ngày vay đến ngày 11-3-2009 là 4.650.000 đồng. Ngoài ra, bà H, ông C còn nhờ bà L tham gia dùm một dây hụi và đóng được 4 kỳ hụi sống với số tiền 14.050.000 đồng thì ngưng hụi nên sau khi khấu trừ các khoản thì bà H, ông C còn nợ bà số tiền 60.600.000 đồng, bà L viết giấy gút nợ bằng tiếng Campuchia và giao cho vợ chồng bà H, ông C giữ cho đến nay. Do là người dân tộc Hoa, không am hiểu pháp luật và do giấy mượn tiền bị thất lạc vừa tìm lại được nên mới khởi kiện. Ông N yêu cầu ông C, bà H trả 70.000.000 đồng.

Nay ông Lý Ca N thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông chỉ yêu cầu vợ chồng bà H ông C trả cho ông số tiền 60.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 11 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông, bà thừa nhận vào ngày 14-8-2007 có vay của vợ chồng ông Lý Ca N và bà Chung Sú L số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Giấy mượn tiền ghi ngày 14-8-2007 do vợ chồng bà cùng ký tên. Là chỗ quen biết nên khi vay không thỏa thuận vay có lãi, hẹn đến ngày 16-12-2007 sẽ trả. Do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà không có tiền trả cho vợ chồng ông N, bà L. Vào ngày 11-3-2009 bà đã trả cho bà L được số tiền 4.650.000 đồng. Bà L có tham gia 01 dây hụi tháng 5.000.000 đồng, bà không nhớ ai làm thảo hụi. Bà L yêu cầu bà đóng hụi sống cho dây hụi nói trên, mục đích đóng hụi sống để cấn trừ dần vào số tiền mà vợ chồng bà nợ. Bà đã đóng hụi sống cho bà Chung Sú L được 04 kỳ. Tổng cộng 04 kỳ hụi sống bà đã đóng cho bà L được số tiền 14.050.000 đồng. Giữa bà và bà L có thỏa thuận miệng mỗi lần đóng hụi sống thì bà L sẽ tính đã trả 5.000.000 đồng. Như vậy, tính đến nay ông, bà đã trả cho bà L ông N được số tiền 24.650.000 đồng chỉ còn nợ 45.350.000 đồng

Ông, bà có cung cấp cho Tòa án tờ giấy gút nợ viết bằng tiếng Cam-pu-Chia. Theo ông, bà thì tờ giấy trên do bà L viết, viết tại nhà bà L, ông bà không nhớ rõ ngày tháng năm. Nội dung tờ giấy trên thể hiện vợ chồng bà còn nợ vợ chồng bà L số tiền 60.600.000 đồng. Sau khi nhận tờ giấy trên vợ chồng bà không

đồng ý nhưng không có ý kiến gì. Ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ca N.

Nay ông, bà đồng ý trả cho vợ chồng ông Lý Ca N số tiền 45.350.000 đồng. Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Chung Sú L và người đại diện hợp pháp là ông Vương Sơn H thống nhất trình bày như lời trình bày của nguyên đơn:

Yêu cầu ông C, bà H phải trả cho vợ chồng bà L, ông N số tiền 60.600.000 đồng vì đây là tài sản chung của vợ chồng bà L, ông N, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 09/2017/DS-ST ngày 29 tháng3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ca N đối với bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả lại cho ông Lý Ca N và bà Chung Sú L số tiền 60.600.000 đồng.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C phải chịu 3.030.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lý Ca N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Lý Ca N 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0023545 ngày 10-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11-4-2017,bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H kháng cáo với nội dung không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm cụ thể: Bà không nợ tiền ông N nên không đồng ý ông N đứng đơn khởi kiện; khi vay hai bên không thỏa thuận vay có lãi nên số tiền bà đã trả 4.650.000 đồng là trả nợ gốc, tiền hụi bà đã đóng cho bà L là 20.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ khấu trừ 14.050.000 đồng là không đúng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Xét kháng cáo của bà H:

[1] Về tố tụng: "Giấy mượn tiền" lập ngày 14-8-2007 do bà H viết thể hiện nội dung *"Có mượn tiền của thím Lý Ca N"*, theo đó, Lý Ca N là họ tên của ông N chồng bà Chung Sú L; bà L, ông N là vợ chồng hợp pháp và cả hai đều xác nhận số tiền cho bà H ông C vay là tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà H, ông C đều thừa nhận số tiền 70.000.000 đồng vay vào ngày 14-8-2007 là vay của vợ chồng ông N, bà L. Do đó, theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông N có quyền khởi kiện bà H, ông C.

[2] Xét số tiền 4.650.000 đồng tiền hụi được khấu trừ trong "Giấy mượn tiền" ngày 14-8-2007: Tại văn bản ngày 29-5-2010 (bút lục số 31) được bà L viết bằng tiếng Cam-pu-chia do bà H cung cấp được bà H, ông C tự dịch sang tiếng Việt Nam và được các bên thừa nhận có nội dung: "Vào ngày 11-6-2007 vợ chồng bà H, ông C có vay của bà L số tiền 70 triệu đồng, trả tiền lãi đến ngày 11-3-2009 còn thiếu tiền lãi 4.650.000 đồng, đóng 04 kỳ hụi 14.050.000 đồng trừ tiền lãi 4.650.000 đồng, khấu trừ số tiền vay còn nợ 60.600.000 đồng". Như vậy, văn bản này đã thể hiện rõ việc thỏa thuận tiền lãi vay, tiền hụi đã đóng và việc khấu trừ hụi giữa hai bên. Sự việc đã xảy ra từ năm 2009, bà H cho rằng văn bản này do bà L viết nhưng bà không chấp nhận nên không trả tiền cho bà L, ông N, tuy nhiên, bà H không tranh chấp hay có ý kiến gì về văn bản này mà cất giữ cho đến nay gần 10 năm. Bà H cũng thừa nhận do việc khấu trừ tiền vay và tiền hụi không đúng nên vợ chồng bà chưa trả số tiền vay còn lại cho vợ chồng ông N bà L. Ông N bà L chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông C trả số tiền gốc còn lại là 60.600.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc bà H, ông C phải trả cho vợ chồng ông Lý Ca N, bà Chung Sú L số tiền trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H; giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Ca N đối với bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C về "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả lại cho ông Lý Ca N và bà Chung Sú L số tiền 60.600.000 đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C phải chịu 3.030.000 đồng (ba triệu không trăm ba chục nghìn đồng);

- Ông Lý Ca N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0023545 ngày 10-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 200.000 đồng tại Biên lai thu số 0024140 ngày 12-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà H còn phải nộp 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Hồng Mai